

Số: /QĐ-STNMT

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Tài nguyên và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tại Văn bản số 36/CV-TTCNTT ngày 13/3/2020; Văn phòng Đăng ký đất đai tại Văn bản số 145/VPĐK-HCTH ngày 24/3/2020; Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tại Văn bản số 90/TTKT-KHTH ngày 31/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của Sở Tài nguyên và Môi trường, chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trên cơ sở dự toán ngân sách được duyệt hàng năm và nguồn kinh phí khác được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị, căn cứ tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này, và các quy định khác về quản lý và sử dụng tài sản công để thực hiện việc trang bị, mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực

thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Kho bạc NN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP (Hạnh).

GIÁM ĐỐC



Nông Văn Kỳ

PHỤ LỤC
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN
DÙNG CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng năm 2020
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tiêu chuẩn, định mức	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
A	Khôi Văn phòng Sở		
I	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của chức danh Giám đốc Sở		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Bộ	01
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	02
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	Bộ	01
4	Điện thoại cố định	Chiếc	01
5	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	01
6	Máy in	Chiếc	01
II	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của chức danh Phó Giám đốc Sở, Trưởng phòng và tương đương		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Bộ	01
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	Bộ	01
4	Điện thoại cố định	Chiếc	01
5	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	01
6	Máy in	Chiếc	01
III	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của chức danh còn lại		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Bộ	01
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	01
4	Điện thoại cố định	Chiếc	01
5	Máy in	Chiếc	01
IV	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ văn thư		

1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Bộ	01
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	04
3	Giá đựng công văn đi, đến	Bộ	01
4	Máy in	Chiếc	01
5	Máy photocopy	Chiếc	02
6	Máy fax	Chiếc	01
7	Điện thoại cố định	Chiếc	01
V	Phòng tiếp dân		
1	Bộ bàn ghế	Bộ	01
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01
3	Điện thoại cố định	Chiếc	01
VI	Máy móc chuyên dùng của Văn phòng Sở		
1	Máy đọc mã vạch	Cái	1
2	Nâng cấp Server máy chủ	Cái	1
3	Ổ lưu trữ số liệu 6T	Cái	3
4	Thiết bị lưu điện UPS 30KVA	Cái	1
5	Thiết bị cân bằng tải	Cái	1
B	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường		
1	Máy Photocopy A0	Chiếc	01
2	Máy Scan A0	Chiếc	01
3	Máy tính chuyên dùng Workstation	Chiếc	02
4	Ổ đĩa cứng cho máy chủ, dung lượng 1,2Tb	Chiếc	10
5	Ram cho máy chủ, dung lượng 16Gb	Thanh	10
6	Điều hòa nhiệt độ chuyên dùng cho phòng máy chủ, công suất 40.000 BTU	Bộ	01
7	Thiết bị cân bằng tải Internet	Thiết bị	01
8	Thiết bị Lưu trữ SAN	Thiết bị	01
C	Văn phòng Đăng ký đất đai		
I	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy Scan màu A3	Cái	01
3	Máy in màu A3	Cái	01

4	Máy GPS tĩnh 01 tần số	Bộ	01
5	Máy in màu A0	Cái	01
6	Máy Photocopy A0	Cái	01
7	Máy in A3	Cái	01
II	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bắc Kạn		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
5	Máy in A3	Cái	01
III	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Na Rì		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
5	Máy in A3	Cái	01
IV	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Chợ Mới		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
V	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Pác Nặm		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
VI	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ngân Sơn		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01

4	Máy in màu A3	Cái	01
VII	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ba Bể		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
VIII	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký huyện Bạch Thông		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
IX	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký huyện Chợ Đồn		
1	Máy toàn đạc điện tử	Cái	01
2	Máy GPS cầm tay	Cái	02
3	Máy Scan màu A3	Cái	01
4	Máy in màu A3	Cái	01
D	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường		
1	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	2
2	Máy tính để bàn	Bộ	2
3	Máy tính xách tay	Bộ	2
4	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng loại ngang	Cái	1
5	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng loại dọc	Cái	1
6	Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động	Cái	1
7	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích thông thường	Cái	1
8	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích tầng sâu	Cái	1
9	Thiết bị lấy mẫu thủy sinh (bề mặt, lơ lửng trong nước và chìm đáy)	Cái	1
10	Thiết bị lấy mẫu khí xung quanh SO ₂ , CO, NO ₂ theo phương pháp hấp thụ (lưu lượng thấp từ 0,5 – 2 lít/phút)	Cái	3
11	Thiết bị lấy mẫu bụi hiện trường (TSP, PM10, PM2.5)	Cái	3
12	Thiết bị lấy mẫu khí thải và mẫu bụi ống khói	Cái	2

13	Bộ dụng cụ lấy mẫu chất thải rắn	Bộ	1
14	Bộ khoan lấy mẫu chất thải rắn hiện trường	Bộ	1
15	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy (kênh hở)	Bộ	1
16	Thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu (10 chỉ tiêu)	Bộ	1
17	Máy đo độ ồn tích phân	Bộ	1
18	Máy đo độ rung tích phân	Bộ	1
19	Thiết bị đo khí thải ống khói	Bộ	1
20	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải ống khói	Bộ	1
21	Cân kỹ thuật hiện trường	Cái	1
22	Máy định vị vệ tinh (GPS)	Cái	1
23	Máy sắc ký ion IC - 2 kênh	Bộ	1
24	Máy sắc ký khí khối phổ (GC/MS)	Bộ	1
25	Máy quang phổ hồng ngoại chuyển hoá Fourier	Bộ	1
26	Thiết bị phân tích BOD5 (Chai BOD tiêu chuẩn, tủ ủ mẫu, máy sục khí,...)	Bộ	1
27	Bộ phân tích TSS	Bộ	1
28	Thiết bị phân tích hàm lượng dầu trong nước tự động	Bộ	1
29	Bộ chung cất đạm	Bộ	1
30	Bộ vô cơ hóa mẫu bằng nguyên lý vi sóng	Bộ	1
31	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Bộ	1
32	Tủ lạnh (Sử dụng liên tục)	Bộ	2
33	Tủ hút khí độc	Bộ	2
34	Bộ cất phenol	Bộ	1
35	Bộ cất Cyanua	Bộ	1
36	Bộ cất quay chân không	Bộ	1
37	Bộ chiết Soxhlet	Bộ	1
38	Bình hút âm	Cái	4
39	Máy ly tâm	Cái	1
40	Máy lắc đứng và ngang	Cái	1
41	Cân phân tích (3 số lẻ)	Cái	1
42	Cân kỹ thuật	Cái	1
43	Bơm chân không	Cái	1

44	Lò nung	Bộ	1
45	Bộ ổn nhiệt	Bộ	1
46	Tủ lạnh sâu	Cái	2
47	Tủ hút chân không	Cái	1
48	Tủ âm	Cái	1
49	Máy TDS/EC để bàn	Cái	1
50	Máy đo DO để bàn (Có đầu đo cho phân tích BOD5)	Bộ	1